

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2021.
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Ông Nguyễn Văn Thượng;
- 2- Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ L số: 744/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Hồ Thị Mai L**, sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ 7, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh N. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Thanh Q**, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ 1, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh N. Vắng mặt không có L do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2020, cùng các lời khai trong quá trình giải Quyết vụ án, nguyên đơn **chị Hồ Thị Mai L** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị **L** và anh **Q** tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày đăng ký 31-12-2020. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế. Hiện chị **L** không còn tình cảm với anh **Q**, không thể tiếp tục chung sống cùng anh **Q**. **Do đó chị L** yêu cầu ly hôn với anh **Q**.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 01-4-2020,

hiện đang sống với chị L. Chị L yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M; không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh Q đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không L do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng các Q định của pháp luật kể từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Chị L là nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Q là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không L do. Căn cứ **điểm b khoản 2 Điều 227;** khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh Q là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, **điểm b khoản 2 Điều 227,** khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của **chị Hồ Thị Mai L. Chị Hồ Thị Mai L** được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 01-4-2020, cho **chị Hồ Thị Mai L** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: **Chị Hồ Thị Mai L** không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: **Chị Hồ Thị Mai L** phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L là nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Q là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải Qết và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không L do nên căn cứ **điểm b khoản 2 Điều 227;** khoản 1,

3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **L**, anh **Q**.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của **chị L** Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị **L** chung sống với anh **Q** vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày đăng ký 31-12-2020 chung sống tự nguyện, tự tìm hiểu nhau đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế nên dẫn đến gây gổ, cãi nhau, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn của **anh Q, chị L** đã đến mức độ trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, **chị L** yêu cầu được ly hôn với anh **Q** là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho **chị L** được ly hôn với anh **Q**.

[3] Về nuôi con chung: Chị **L**, anh **Q** có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 01-4-2020, hiện đang sống với **chị L**. **Chị L** yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M; không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy: Cháu M hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và hiện đang sống với **chị L** nên Hội đồng xét xử giao cháu M cho **chị L** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: **Chị L** không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: **Chị L** không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: **Chị L** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, **điểm b khoản 2 Điều 227**, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của **chị Hồ Thị Mai L. Chị Hồ Thị Mai L** được ly hôn với anh **Nguyễn Thanh Q**.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu **Nguyễn Thị Trà M**, sinh ngày 01-4-2020, cho **chị Hồ Thị Mai L** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận **chị L** không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Q** có quyền đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: **Chị Hồ Thị Mai L** không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: **Chị Hồ Thị Mai L** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà **chị L** đã nộp theo biên lai thu số **0001421 ngày 30-11-2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; **chị L** đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: **Chị Hồ Thị Mai L**, anh **Nguyễn Thanh Q** được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND **xã S**, H Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thu